

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG XÃ AN PHÚ NĂM 2025 - SAU SẮP XẾP

(Kèm theo Nghị Quyết số 10/NQ-HĐND ngày 30/11/2025 của HĐND xã An Phú)

STT	Tên công trình	QĐ đầu tư + QĐ bổ sung (Số QĐ, ngày tháng năm QĐ, cơ quan ra QĐ)	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Giá trị khối lượng đã quyết toán hoặc GTKL đã hoàn thành	Giá trị khối lượng từ khởi công đến tháng báo cáo (đối với công trình dở dang)	Tổng số vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết 31/12/2024	Kế hoạch vốn bố trí năm 2025 (đến thời điểm báo cáo)	Trong đó						Vốn đã thanh toán năm 2025 (đến thời điểm báo cáo)	Vốn chưa thanh toán (còn nợ)
									Thu tiền sử dụng đất (giao đầu năm 2025)	Kế hoạch vốn bổ sung trong năm 2025	Bao gồm					
											NS tỉnh	NS huyện	NS xã (tiền đất + tiền 3903)	Dân đóng góp, vốn khác		
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG CỘNG			174,524.9	153,177.5	4,980.7	98,951.7	37,227.0	1,995.0	35,232.0	7,514.1	14,595.5	12,905.8	216.6	28,548.6	8,678.4
	XÃ AN PHÚ MỚI (Nguồn đã phân bổ)			174,524.9	153,177.5	4,980.7	98,951.7	35,606.9	1,995.0	33,611.9	7,514.1	14,595.5	11,285.7	216.6	28,548.6	7,058.2
I	XÃ AN PHÚ CŨ			38,753.4	31,815.1	4,980.6	25,201.5	11,160.3	1,170.0	9,990.3	-	5,000.0	4,990.3	-	4,856.4	6,303.9
1	Cải tạo bãi rác, đường bãi rác thôn Hoàng Dương xã An Lâm	218/QĐ-UBND ngày 01/10/2021	11/2021-03/2022	440.0	418.3		382.7	35.7		35.7			35.7		35.7	-
2	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng trường Mầm non An Lâm, huyện Nam Sách	92/QĐ-UBND ngày 15/10/2014	10/2014-12/2014	700.5	673.7	28.1	28.1	617.3		617.3			617.3			617.3
3	Xây dựng tuyến đường giao thông nội đồng phủ Xuyên thôn Phú văn, xã An phú, huyện nam Sách	145/QĐ-UBND ngày 08/5/2025	05/2025-06/2025	989.0	959.0		-	850.0		850.0			850.0		796.2	53.8
4	Cải nâng cấp đường giao thông thôn Cẩm Lý - Lang Khê, xã An Phú, huyện Nam Sách	182/QĐ-UBND ngày 06/06/2025	06/2025-10/2025	4,564.0	200.0		-	4,200.0		4,200.0		4,000.0	200.0		-	4,200.0
5	Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng trường Tiểu học An Lâm	Số 156/QĐ-UBND ngày 04/10/2022	12/2022-8/2023	13,414.8	12,727.1		12,203.8	1,023.1	500.0	523.1			523.1		523.1	500.0
6	Nhà lớp học 1 tầng 4 phòng móng 3 tầng trường Tiểu học An Lâm	1625/QĐ-UBND ngày 31/05/2016	6/2016-12/2016	4,246.1	3,875.2		3,001.9	1,157.0	670.0	487.0			487.0		487.0	670.0
7	San lấp trường Tiểu học An Lâm	65/QĐ-UBND ngày 27/12/2016	3/2016-4/2016	634.2	568.8	51.4	51.4	517.4		517.4			517.4		517.4	-
8	Cải tạo nhà lớp học 10 phòng 2 tầng trường THCS An Lâm, huyện Nam Sách	1616/QĐ-UBND ngày 26/06/2012	8/2012-11/2012	1,247.8	1,206.2	900.4	900.4	305.8		305.8			305.8		305.8	-
9	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng trường Mầm non An Lâm, huyện Nam Sách	76a/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	10/2020 - 5/2021	4,197.1	3,400.0	3,316.2	3,316.2	83.8		83.8			83.8		83.8	-

STT	Tên công trình	QĐ đầu tư + QĐ bổ sung (Số QĐ, ngày tháng năm QĐ, cơ quan ra QĐ)	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Giá trị khối lượng đã quyết toán hoặc GTKL đã hoàn thành	Giá trị khối lượng từ khởi công đến tháng báo cáo (đối với công trình dở dang)	Tổng số vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết 31/12/2024	Kế hoạch vốn bố trí năm 2025 (đến thời điểm báo cáo)	Trong đó						Vốn đã thanh toán năm 2025 (đến thời điểm báo cáo)	Vốn chưa thanh toán (còn nợ)
									Thu tiền sử dụng đất (giao đầu năm 2025)	Kế hoạch vốn bố sung trong năm 2025	Bao gồm					
											NS tỉnh	NS huyện	NS xã (tiền đất + tiền 3903)	Dân đóng góp, vốn khác		
10	Cải tạo sửa chữa bể bơi trường Tiểu học An Lâm, huyện Nam Sách	217/QĐ-UBND ngày 01/10/2021	10/2021-11/2021	498.3	497.0	454.6	451.6	43.4		43.4			43.4		43.4	-
11	Trạm y tế xã An Lâm huyện Nam Sách	số 1167 ngày 25/4/2014 UB huyện	9/2011-08/2012	4,900.8	4,624.1		4,421.5	202.5		202.5			202.5			202.5
12	Sửa chữa, khắc phục một số hạng mục công trình: Trụ sở UBND xã, trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở An Lâm và một số thiết bị chiếu sáng đường trục xã.	số 294/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	11/2024-12/2024	932.2	932.2		444.0	434.3		434.3			434.3		434.3	-
13	Công trình: Sửa chữa bãi rác tập trung thôn Hoàng Dương xã An Phú, huyện Nam Sách	số 66/QĐ-UBND ngày 10/03/2025	03/2025-04/2025	230.0		230.0	-	190.0		190.0			190.0		190.0	-
14	Cải tạo chỉnh trang đường điện chiếu sáng đường HL 5B đoạn qua xã An Phú	105/QĐ-UBND ngày 09/4/2025	05/2025-06/2025	1,758.5	1,733.5			1,500.0		1,500.0		1,000.0	500.0		1,439.7	60.3
II	XÃ CỘNG HÒA (CŨ)			56,799.0	50,822.2	0.1	36,883.9	13,650.9	750.0	12,900.9	6,826.9	2,080.1	3,994.0	-	12,900.9	750.0
1	Cải tạo nâng cấp tuyến đường giao thông từ cổng Đình yển đến dốc đê Đò Quốc	235/QĐ-UBND ngày 9/9/2024 UBND xã	9/2024-4/2025	19,140.0	16,990.1		7,283.6	10,407.3	750.0	9,657.3	5,057.4	2,000.0	2,599.9		9,657.3	750.0
2	Đường vào trụ sở làm việc công an xã Cộng Hòa	307/QĐ-UBND ngày 30/10/2024 UBND xã	11/2024-12/2024	984.1	909.6	0.1	804.0	105.5		105.5			105.5		105.5	-
3	Nâng cấp cải tạo nghĩa trang liệt sỹ xã Cộng Hòa	165/QĐ ngày 28/6/2024/UBND xã	20/9/2024-1/2025	5,498.8	5,369.1		3,215.9	1,167.9		1,167.9			1,167.9		1,167.9	-
4	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc của Đảng uỷ - HĐND - UBND xã Cộng Hòa	281/QĐ ngày 17/10/2024/UBND xã	10/2024-12/2024	951.6	927.9		807.2	120.7		120.7			120.7		120.7	-
5	Hạ tầng kỹ thuật diêm dân cư mới An Diễn, xã Cộng Hòa, huyện Nam Sách; Hạng mục: San lấp, đường giao thông, thoát nước và hệ phố -GD1	61a/QĐ ngày 19/3/2020/UBND xã	5/2020-10/2020	7,372.9	5,439.8		5,356.7	80.1		80.1		80.1			80.1	-
6	Hạ tầng kỹ thuật diêm dân cư mới An Diễn, xã Cộng Hòa, huyện Nam Sách; Hạng mục: San lấp, đường giao thông, thoát nước và hệ phố -GD2	01a/QĐ ngày 05/01/2021/UBND xã	3/2021-9/2021	7,995.9	7,160.9		6,920.5	240.4		240.4	240.4				240.4	-
7	HTKT diêm dân cư phía Đông thôn Cổ Pháp, xã Cộng Hòa (giai đoạn 1)	3173/QĐ ngày 31/10/2022/UBND xã	4/2023-10/2023	14,855.8	14,024.8		12,495.8	1,529.0		1,529.0	1,529.0				1,529.0	-
III	XÃ AN BÌNH (CŨ)			78,972.5	70,540.2	-	36,866.4	10,795.6	75.0	10,720.6	687.2	7,515.4	2,301.4	216.6	10,791.3	4.3

STT	Tên công trình	QĐ đầu tư + QĐ bổ sung (Số QĐ, ngày tháng năm QĐ, cơ quan ra QĐ)	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Giá trị khối lượng đã quyết toán hoặc GTKL đã hoàn thành	Giá trị khối lượng từ khởi công đến tháng báo cáo (đối với công trình dở dang)	Tổng số vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết 31/12/2024	Kế hoạch vốn bố trí năm 2025 (đến thời điểm báo cáo)	Trong đó					Vốn đã thanh toán năm 2025 (đến thời điểm báo cáo)	Vốn chưa thanh toán (còn nợ)	
									Thu tiền sử dụng đất (giao đầu năm 2025)	Kế hoạch vốn bổ sung trong năm 2025	Bao gồm					
											NS tỉnh	NS huyện	NS xã (tiền đất + tiền 3903)			Dân đóng góp, vốn khác
1	Đường GTNT đoạn từ cổng làng thôn An Ninh đến nhà ông Quý	số 1756 ngày 22/5/2017 UBND huyện	9/2017-12/2017	4,645.0	3,698.8		3,325.5	-	-					-	-	
2	Đường GTNT đoạn từ nhà Ông Đô đến ngã tư Ông Chuyển	số 1906 ngày 29/5/2017 UBND huyện	8/2017-02/2018	4,328.8	3,374.9		3,233.4	108.1	108.1		108.1			108.1	-	
3	ĐGT nông thôn (đoạn từ Cổng chào đến cổng ông Sơn Đội 6)	số 2402 ngày 20/7/2017 UBND huyện	3/2018-6/2019	4,887.9	4,385.3		4,205.9	178.7	178.7		178.7			178.7	-	
4	ĐGT nông thôn (đoạn từ UBND đến ngã tư thôn Đa Đình)	số 70 ngày 06/9/2017 UBND xã	10/2017-2/2018	4,903.1	4,454.0		4,282.0	171.9	171.9		171.9			171.9	-	
5	Đường giao thông nông thôn xã An Bình (đoạn từ ngã tư thôn Đa Đình đến ngã tư ông Cù và đoạn từ nhà văn hoá thôn Đào Xá đến dốc đê)	số 78 ngày 18/6/2018 UBND xã	10/2018-6/2019	4,895.1	4,431.9		4,248.2	183.7	183.7		183.7			183.7	-	
6	Đường GTNT xã An Bình (đoạn từ dốc đê thôn Đa Đình đến ngã tư thôn Đa Đình; đoạn từ ngã tư thôn Đa Đình đến cổng ông Huân; đoạn từ dốc đê An Đông đến ngã tư ông Vui Truyền)	số 98 ngày 20/9/2018 UBND xã	9/2018-2/2019	5,204.2	4,654.5		4,381.5	273.0	273.0		273.0			268.6	4.3	
7	Nâng cấp, cải tạo, trải thảm nhựa mặt đường đoạn đường từ ngã tư ông Tráng Chuyển đến sau Ủy ban nhân dân xã An Bình	Số 65 ngày 22/01/2024 của UBND xã	2/2024-3/2024	999.0	978.8		960.2	18.5	18.5		18.5		18.5	18.5	-	
8	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên thôn An Đông - An Đoài, xã An Bình, huyện Nam Sách	Số 613 ngày 08/7/2024 của UBND xã	9/2024-12/2024	1,950.0	1,630.3		1,570.7	59.6	59.6	-				59.6	-	
9	Nhà lớp học bộ môn 3 tầng 9 phòng trường THCS An Bình và một số hạng mục phụ trợ	Số 954/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND xã	11/2024-5/2025	14,991.0	14,044.2		5,110.5	8,053.8	8,053.8		6,000.0	1,837.3	216.6	8,053.8	-	
10	Cải tạo, lát sân trường Tiểu học An Bình	Số 1078/QĐ-UBND ngày 12/11/2024 của UBND xã	11/2024-12/2024	396.1	343.7		317.7	26.0	26.0		26.0		26.0	26.0	-	
11	Sửa chữa, khắc phục một số hạng mục công trình Trụ sở UBND xã, trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở xã An Bình bị hư hại do cơn bão số 3 gây ra	Số 1147 ngày 22/11/2024 của UB xã	11/2024-12/2024	950.0	906.3		836.1	70.2	15.4	54.8		54.8		70.2	-	
12	Sửa chữa, cải tạo Hội trường xã An Bình, huyện Nam Sách	Số 214 ngày 20/02/2025 UB xã	2/2025-4/2025	851.9	801.4			801.4	801.4		600.0	201.4		801.4	0.0	

STT	Tên công trình	QĐ đầu tư + QĐ bổ sung (Số QĐ, ngày tháng năm QĐ, cơ quan ra QĐ)	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Giá trị khối lượng đã quyết toán hoặc GTKL đã hoàn thành	Giá trị khối lượng từ khởi công đến tháng báo cáo (đối với công trình dở dang)	Tổng số vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết 31/12/2024	Kế hoạch vốn bố trí năm 2025 (đến thời điểm báo cáo)	Trong đó					Vốn đã thanh toán năm 2025 (đến thời điểm báo cáo)	Vốn chưa thanh toán (còn nợ)	
									Thu tiền sử dụng đất (giao đầu năm 2025)	Kế hoạch vốn bổ sung trong năm 2025	Bao gồm					
											NS tỉnh	NS huyện	NS xã (tiền đất + tiền 3903)			Dân đóng góp, vốn khác
13	Nhà văn hóa thôn Đào Xá, xã An Bình, huyện NS	Số 678 ngày 20/10/2023 của UB xã	11/2023- 2/2024	1,650.0	1,566.2		1,527.3	38.9		38.9			38.9		38.9	-
14	Nhà văn hóa thôn An Đoài, xã An Bình, huyện NS	Số 185 ngày 04/03/2024 của UB xã	4/2024- 8/2024	2,435.0	2,304.5		2,180.0	124.5		124.5			124.5		124.5	-
15	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới thôn An Đông, xã An Bình, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương (giai đoạn 1)	QĐ số 438, 19/10/2020 của UBND xã	11/2020 - 05/2021	14,991.4	13,554.6		381.5	381.5		381.5	381.5				381.5	-
16	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới thôn An Đông, xã An Bình, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương (giai đoạn 2)	QĐ số 296, ngày 24/5/2022 của UBND xã	6/2022 - 01/2023	10,894.2	9,410.9		305.7	305.7		305.7	305.7				305.7	-
	Kinh phí chưa phân bổ (tiền SDD)							1,620.1		1,620.1			1,620.1			1,620.1